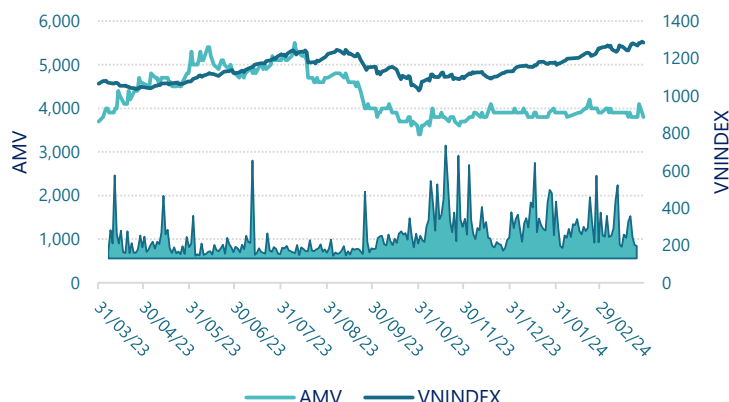


CTCP Sản xuất kinh doanh Dược và Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ (HNX: AMV)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/03/2024

Giá hiện tại (VNĐ)	3,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	5,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	3,400
SL cổ phiếu LH	131,105,650
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,470,155
% sở hữu nước ngoài	0.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	498
P/E	40.4
EPS	94

DT thuần

Q1/24

45.9

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.50 | 1.2%

YoY: ▲ 3.00 | 7.1%

LN sau thuế

Q1/24

1.45

tỷ VNĐ

QoQ: ▼2.61 | -64.2%

YoY: ▼1.04 | -41.6%

Tỷ suất lãi EBIT

2023

17.3%

+/- YoY: ▼ 10.0%

DT thuần

2023

197

tỷ VNĐ

YoY: ▼88.0 | -31.0%

LN sau thuế

2023

13.9

tỷ VNĐ

YoY: ▼42.5 | -75.4%

ROE

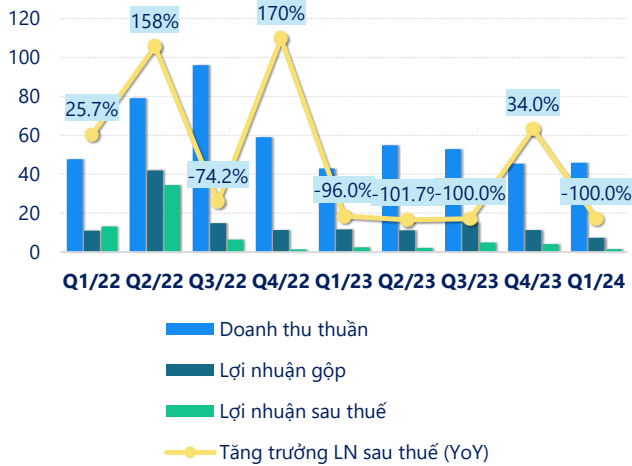
2023

0.8%

+/- YoY: ▼ 3.0%

tỷ VNĐ

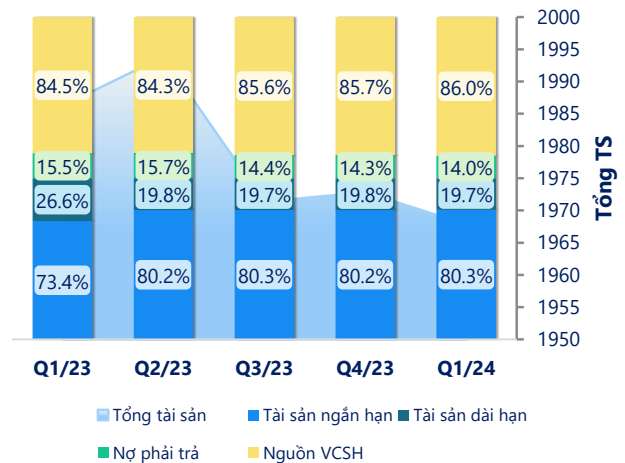
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

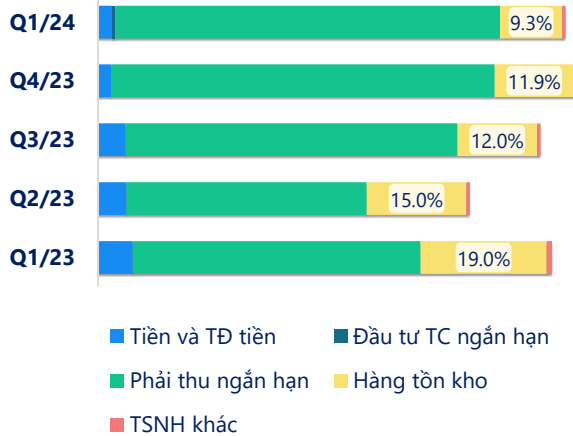
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



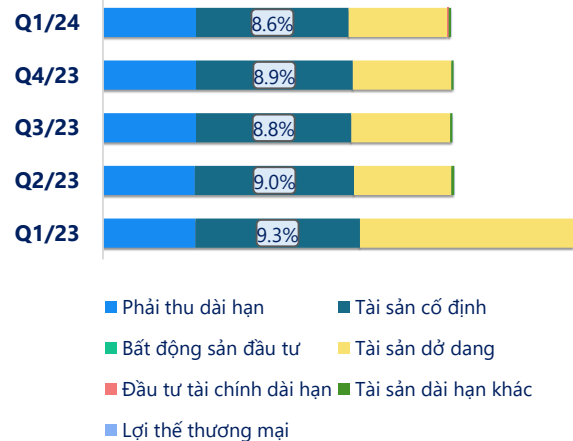
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

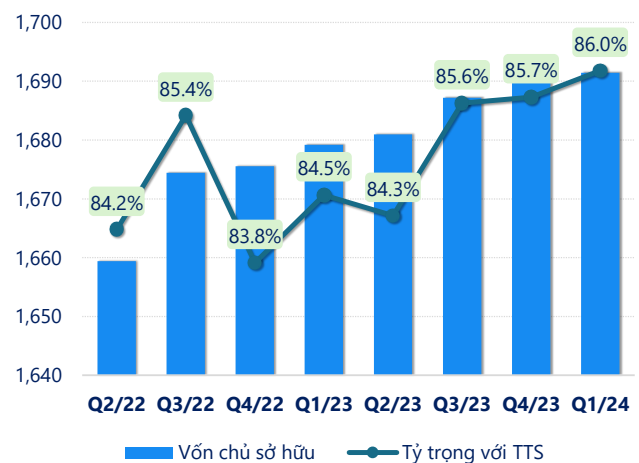
Nợ vay



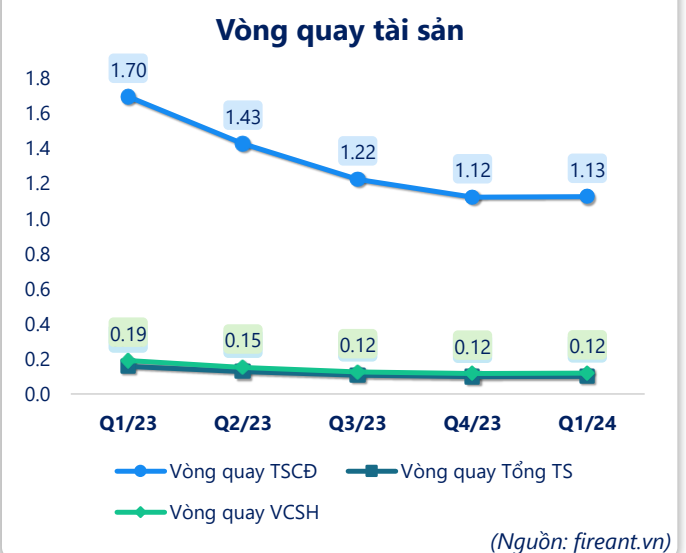
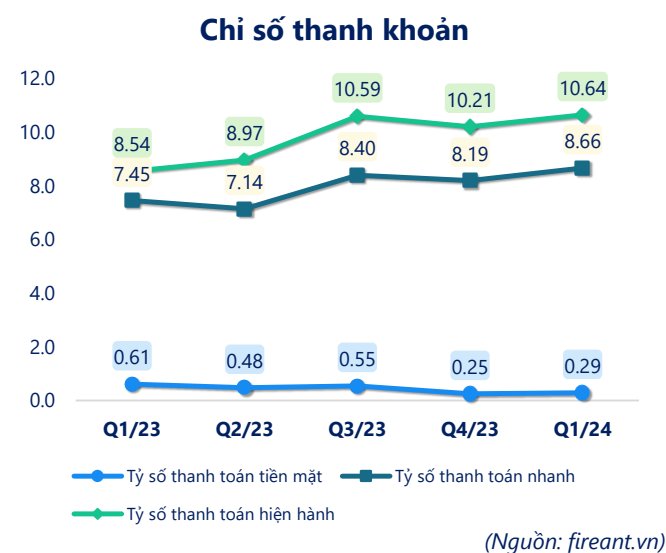
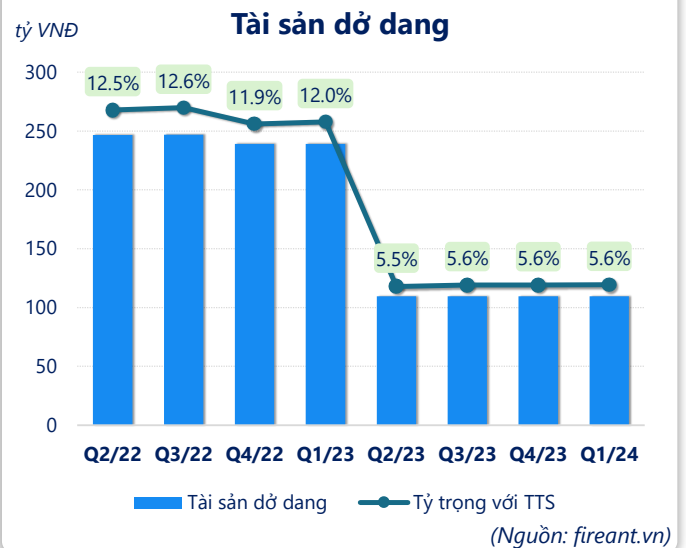
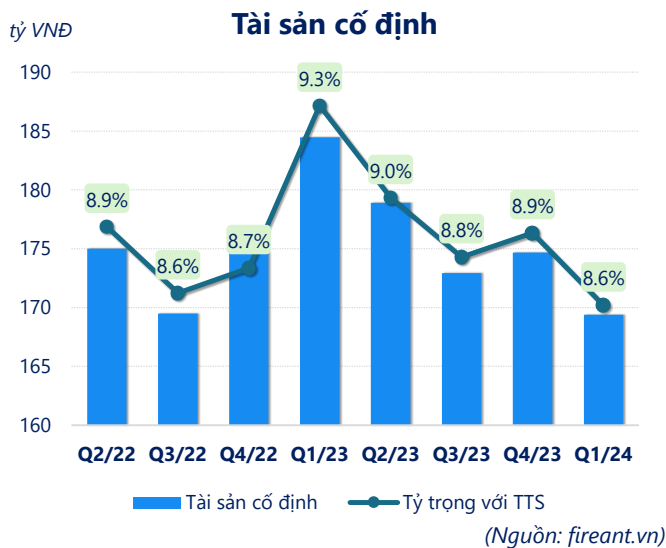
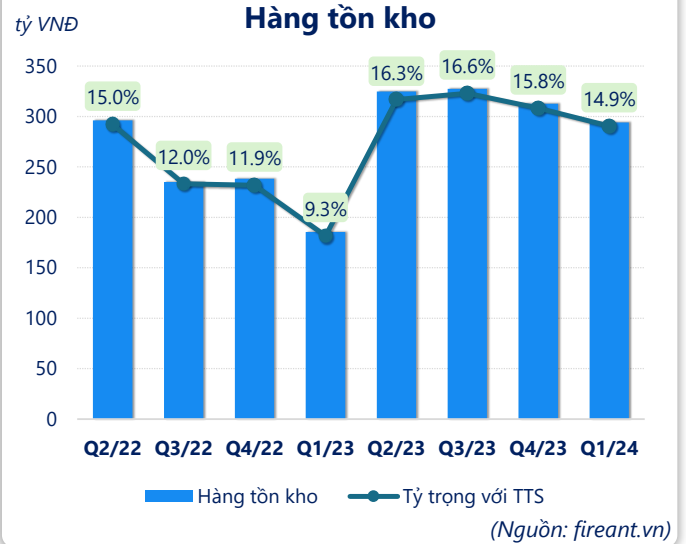
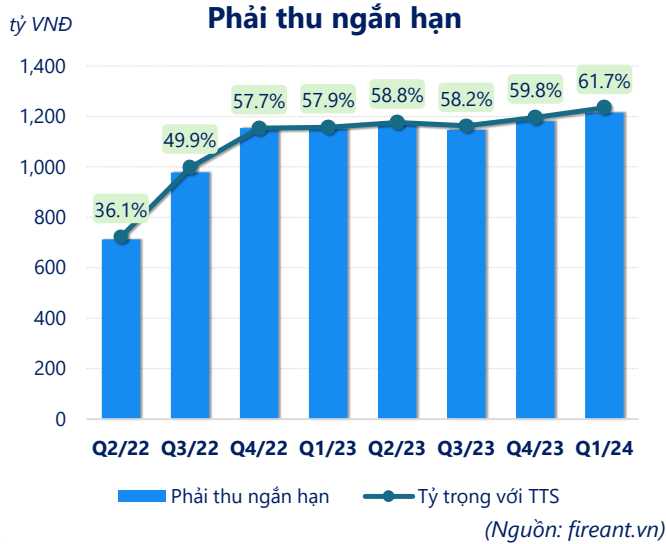
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Tổng tài sản	1,986	1,994	1,971	1,973	1,968
Tài sản ngắn hạn	1,457	1,598	1,582	1,582	1,581
Tiền và tương đương tiền	104	85.3	81.9	38.8	43.0
Đầu tư tài chính ngắn hạn	8.00	8.00	20.0	45.0	25.2
Phải thu ngắn hạn	1,150	1,173	1,146	1,181	1,215
Hàng tồn kho	186	325	327	313	294
Tài sản ngắn hạn khác	9.64	7.42	6.40	5.05	3.90
Tài sản dài hạn	529	395	389	391	387
Phải thu dài hạn	103	103	103	103	103
Tài sản cố định	184	179	173	175	169
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	239	110	110	110	110
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	1.39
Tài sản dài hạn khác	1.97	3.15	2.86	2.79	2.66
Lợi thế thương mại	0.43	0.34	0.33	0.32	0.31
Nợ phải trả	307	313	284	283	276
Nợ ngắn hạn	171	178	149	155	149
Vay và nợ thuê ngắn hạn	36.3	35.8	31.8	40.3	31.6
Phải trả người bán ngắn hạn	37.1	44.6	17.0	14.5	13.1
Nợ dài hạn	136	135	135	128	128
Vay và nợ thuê dài hạn	134	135	135	127	127
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,679	1,681	1,687	1,690	1,691
Vốn chủ sở hữu	1,679	1,681	1,687	1,690	1,691
Vốn điều lệ	1,311	1,311	1,311	1,311	1,311
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)